

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KÔNG CHRO**

Số: 436 /BC-ĐXCTĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kông Chro, ngày 25 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt đề án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai đến năm 2035.

Thực hiện Văn bản số 2374/UBND-KTTH ngày 24 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 288/BC-SKHĐT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai về Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn, khả năng cân đối vốn dự án: Đường giao thông huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

Ủy ban nhân dân huyện Kông Chro lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đường giao thông huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án trên, với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN:

1. Tên dự án: Đường giao thông huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai
2. Dự án nhóm: Nhóm B
3. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.
4. Tên chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Kông Chro.
5. Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.
6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: **90.000.000.000** đồng (*Bằng chữ: Chín mươi tỷ đồng*)
7. Thời gian thực hiện: 2021-2024.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN:

II.1. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ, CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ, ĐÁNH GIÁ VỀ SỰ PHÙ HỢP VỚI QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ:

1. Sự cần thiết đầu tư:

Chủ trương của Đảng và Nhà nước ta là phát triển kinh tế đồng đều giữa các vùng, các dân tộc, đặc biệt là chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng từ Trung ương đến địa

phương. Đây là chương trình mang ý nghĩa chính trị, kinh tế, xã hội rất lớn cần được sự quan tâm của tất cả các ngành, các cấp, phù hợp với chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Huyện Kông Chro nằm cách trung tâm thành phố Pleiku khoảng 120Km theo đường ô tô về phía Đông - Đông Nam, toàn huyện có 13 xã và 1 thị trấn, vị trí địa lý của huyện phía bắc giáp huyện Đăk Pơ, phía nam giáp huyện Ia Pa, phía tây giáp huyện Mang Yang, phía đông giáp huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định. Những năm qua, được sự quan tâm của Trung ương, của Tỉnh và sự nỗ lực của chính quyền và nhân dân các dân tộc trên địa bàn, nền kinh tế - xã hội huyện Kông Chro đã có nhiều khởi sắc. Đến nay, Kông Chro đã trở thành một địa phương có bước phát triển khá của tỉnh, bộ mặt đô thị và nông thôn ngày càng đổi mới, đời sống của nhân dân các dân tộc được cải thiện.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được, thị trấn Kông Chro là trung tâm hành chính của huyện Kông Chro. Trong những năm qua, cơ sở hạ tầng của thị trấn đã được đầu tư cơ bản tuy nhiên còn nhiều hạn chế và chưa đồng bộ, một số tuyến đường còn dừng lại ở mức đầu tư để đảm bảo giao thông, mặt đường nhỏ hẹp chưa phù hợp với quy hoạch. Do nguồn vốn đầu tư hằng năm còn hạn chế nên việc hoàn chỉnh quy hoạch còn gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho thị trấn trong các năm tới là cần thiết và cấp bách, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trấn nói riêng và huyện Kông Chro nói chung.

Vì vậy để từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông của thị trấn nói riêng và huyện nói chung, tạo điều kiện thuận lợi trong việc sinh hoạt, đi lại của người dân, đồng thời góp phần chỉnh trang đô thị, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thì việc đầu tư xây dựng dự án đường giao thông huyện Kông Chro là hết sức cần thiết.

Đường giao thông huyện Kông Chro gồm 16 tuyến đường, tổng chiều dài khoảng L=13,632Km với quy mô và hiện trạng như sau:

+ **Tuyến 1: Đường quy hoạch giao thông (đoạn từ đường Kpă klông đến đường Trần Phú):** Đoạn tuyến có chiều dài khoảng 270m, tuyến được mở mới hoàn toàn theo quy hoạch.

+ **Tuyến 2: Đường Lê Hồng Phong (Đoạn Nguyễn Huệ - Trần Phú):** Có điểm đầu giao với đường Nguyễn Huệ, điểm cuối giao với đường Trần Phú, chiều dài đoạn tuyến khoảng L=940,0m. Tuyến hiện tại là đường láng nhựa rộng 11,0m, hệ thống thoát nước, bó vỉa đan rãnh đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh.

+ **Tuyến 3: Đường Trần Hưng Đạo (Đoạn Nguyễn Huệ - Võ Thị Sáu):** Có điểm đầu giao với đường Nguyễn Huệ, điểm cuối giao với đường Võ Thị Sáu, chiều dài đoạn tuyến khoảng L=625,0m. Tuyến hiện tại là đường láng nhựa rộng 11,0m, hệ thống thoát nước, bó vỉa đan rãnh đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh.

+ **Tuyến 4: Đường Kpa Klong (Đoạn Nguyễn Thị Minh Khai - Trần Phú):** Có điểm đầu giao với đường Nguyễn Thị Minh Khai, điểm cuối giao với đường Trần Phú, chiều dài tuyến khoảng L=1166,0m. Hiện trạng tuyến có thể khái quát như sau: Đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai -:- Sân Vận Động, L=914,0m hiện tại là đường láng nhựa rộng 7,5m, hệ thống thoát nước, bó vỉa đan rãnh, vỉa hè đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh; đoạn từ Sân Vận Động -:- đường Trần Phú, L=252,0m hiện tại là đường láng nhựa rộng 5,5m, chưa được đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước dọc, bó vỉa đan rãnh và vỉa hè.

+ **Tuyến 5: Đường Trần Phú (Đoạn Nguyễn Huệ - Võ Thị Sáu):** Có điểm đầu giáp Nguyễn Huệ và điểm cuối giáp đường Võ Thị Sáu, chiều dài tuyến khoảng L=1322,0m. Hiện trạng tuyến có thể khái quát như sau: Đoạn từ đường Nguyễn Huệ -:- Đường QH Đ18, L=634,0m hiện tại là đường láng nhựa rộng 7,5m, hệ thống thoát nước,

bó vỉa đan rãnh đã được đầu tư xây dựng; Đoạn từ đường QH Đ18 -:- Võ Thị Sáu, L=688,0m hiện tại là đường láng nhựa rộng 5,5m, chưa được đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước dọc và bó vỉa đan rãnh và vỉa hè.

+ **Tuyến 6: Đường Phan Bội Châu (Đoạn Võ Thị Sáu - Trần Phú):** Có điểm đầu giao với đường Võ Thị Sáu, điểm cuối giáp đường Trần Phú, chiều dài tuyến khoảng L=550,0m. Hiện trạng đã đầu tư xây dựng mặt đường láng nhựa rộng trung bình 7,5m, hệ thống thoát nước, bó vỉa đan rãnh, vỉa hè đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh.

+ **Tuyến 7: Đường Võ Thị Sáu (Đoạn Lê Hồng Phong - Trần Phú):** Có điểm đầu giao với đường Lê Hồng Phong, điểm cuối giao với đường Trần Phú, chiều dài tuyến khoảng L=988,0m. Hiện trạng tuyến có thể khái quát như sau: Đoạn từ đường Lê Hồng Phong -:- Phan Bội Châu, L=237,0m hiện tại là đường láng nhựa rộng 7,5m, hệ thống thoát nước, bó vỉa đan rãnh, vỉa hè đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh; Đoạn từ đường Phan Bội Châu -:- Trần Phú, L=751,0m hiện tại là đường láng nhựa rộng 5,5m, chưa được đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước dọc và bó vỉa đan rãnh và vỉa hè.

+ **Tuyến 8: Đường Ngô Mây (Đoạn Trần Phú - Kpa Klong):** Có điểm đầu giao với đường Trần Phú, điểm cuối giao với đường Kpa Klong, chiều dài tuyến khoảng L=240,0m. Tuyến hiện tại là đường láng nhựa rộng 7,5m, hệ thống thoát nước, bó vỉa đan rãnh, vỉa hè đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh.

+ **Tuyến 9: Đường Hai Bà Trưng (Đoạn Kpa Klong - Lê Hồng Phong):** Có điểm đầu giao với đường Kpa Klong, điểm cuối giao với đường Lê Hồng Phong, chiều dài tuyến khoảng L=485,0m. Tuyến hiện tại là đường láng nhựa rộng 4,0m, hệ thống thoát nước, bó vỉa đan rãnh đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh.

+ **Tuyến 10: Đường Nguyễn Du (Đoạn Nguyễn Huệ - Đài truyền hình):** Có điểm đầu giao với đường Nguyễn Huệ, điểm cuối điểm cuối giáp công Đài truyền hình huyện Kông Chro, chiều dài tuyến khoảng L=140,0m. Tuyến hiện tại là đường láng nhựa rộng 7,5m, hệ thống thoát nước, bó vỉa đan rãnh, vỉa hè đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh.

+ **Tuyến 11: Đường QH bên chợ Kông Chro (Đoạn Nguyễn Huệ - Nguyễn Thị Minh Khai):** Có điểm đầu giao với đường Nguyễn Huệ, điểm cuối giao với đường Nguyễn Thị Minh Khai, chiều dài tuyến khoảng L=70,0m. Tuyến hiện tại là đường láng nhựa rộng 6,5m, hệ thống thoát nước, bó vỉa đan rãnh đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh.

+ **Tuyến 12: Đường Nguyễn Trãi (Đoạn Nguyễn Huệ - Cầu Yang Trung):** Có điểm đầu giao với đường Nguyễn Huệ tại Km1+866, điểm cuối giao với đường Nguyễn Huệ tại Km3+100, chiều dài tuyến khoảng L=1.100,0m. Tuyến hiện tại là đường láng nhựa rộng 5,5m, hệ thống thoát nước chưa được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh.

+ **Tuyến 13: Đường Nguyễn Thị Minh Khai (Đoạn Nguyễn Huệ - Đường Nguyễn Trãi):** Có điểm đầu giao với đường Nguyễn Huệ tại, điểm cuối giao với đường Nguyễn Trãi, chiều dài tuyến khoảng L=823,0m. Tuyến hiện tại là đường láng nhựa rộng trung bình 6,0m. Đoạn từ đường Nguyễn Huệ - Đường QH bên chợ Kông Chro, L=710m hệ thống thoát nước, bó vỉa đan rãnh đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh; đoạn còn lại L=113m hệ thống thoát nước dọc, bó vỉa đan rãnh chưa được đầu tư.

+ **Tuyến 14: Đường Vành Đai thị trấn Kông Chro (Đoạn từ đường tỉnh 667 đến làng Đê Ktỏh):** Có điểm đầu giao với đường tỉnh 667, điểm cuối làng Đê Ktỏh, chiều dài tuyến khoảng L=3.000,0m. Tuyến hiện tại là đường đất rộng trung bình 5m, hệ thống thoát nước chưa được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh.

+ **Tuyến 15: Đường Anh Hùng Núp (Đoạn Nguyễn Huệ - Suối Sơ Rớ):** Có điểm đầu giáp đường cầu Yang Trung, điểm cuối giáp suối Sơ Rớ, chiều dài tuyến khoảng

L=1700,0m. Tuyến hiện tại là đường BTXM rộng trung bình 3.5m, hệ thống thoát nước chưa được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh.

+ **Tuyến 16: Đường quy hoạch D7 (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Trần Phú):** Đoạn tuyến có chiều dài khoảng L=326,0m, tuyến được mở mới hoàn toàn theo quy hoạch.

Các tuyến đường đã đầu tư xây dựng mặt đường láng nhựa hiện đang bị hư hỏng, xuống cấp. Hệ thống thoát nước một số tuyến đường chưa được đầu tư xây dựng nước chảy tràn lên mặt đường gây mất an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.

Trước thực trạng trên, UBND huyện Kông Chro lập chủ trương đầu tư xây dựng dự án: Đường giao thông huyện Kông Chro, góp phần quan trọng trong việc đảm bảo an toàn giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, tạo mỹ quan đô thị.

2. Các điều kiện để thực hiện đầu tư:

Luật Đầu tư công năm 2019;

Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đầu tư công;

Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2020 về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai đến năm 2035.

Văn bản số 2374/UBND-KTTH ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021;

3. Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

- Phù hợp với Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai đến năm 2035.

- Phù hợp với quy hoạch mạng lưới giao thông trong khu vực.

- Đáp ứng đầy đủ và phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện Kông Chro

- **Mặt cắt quy hoạch:** (Theo Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và bản đồ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai đến năm 2035).

*** Tuyến 1: Đường quy hoạch giao thông (QH Đ2, Đ3):**

- + Chỉ giới xây dựng : 32,0m
- + Bề rộng mặt đường : 5,5m x 2 bên(bao gồm tuyến dọc kênh)
- + Bề rộng vỉa hè : 3,25m x2 bên x 2 Tuyến =13,0m.
- + Bề rộng kênh mương giữa : 8,0m dạng mương hình thang.

*** Tuyến 2: Đường Lê Hồng Phong:**

- + Chỉ giới xây dựng : 30,0m
- + Bề rộng mặt đường : 20,0m
- + Bề rộng vỉa hè : 5,0m x2 bên =10,0m

*** Tuyến 3: Đường Trần Hưng Đạo:**

- + Chỉ giới xây dựng : 20,0m
- + Bề rộng mặt đường : 12,0m
- + Bề rộng vỉa hè : 4,0m x2 bên =8,0m

*** Tuyến 4: Đường Kpa Klong :**

- + Chỉ giới xây dựng : 25,0m
- + Bề rộng mặt đường : 15,0m
- + Bề rộng lề đường : 5,0m x2 bên =10,0m

*** Tuyến 5: Đường Trần Phú:**

- + Chỉ giới xây dựng : 25,0m
- + Bề rộng mặt đường : 15,0m
- + Bề rộng lề đường : 5,0m x2 bên =10,0m

*** Tuyến 6: Đường Phan Bội Châu:**

- + Chỉ giới xây dựng : 20,0m
- + Bề rộng mặt đường : 12,0m
- + Bề rộng vỉa hè : 4,0m x2 bên =8,0m

*** Tuyến 7: Đường Võ Thị Sáu :**

- + Chỉ giới xây dựng : 25,0m
- + Bề rộng mặt đường : 15,0m
- + Bề rộng lề đường : 5,0m x2 bên =10,0m

*** Tuyến 8: Đường Ngô Mây:**

- + Chỉ giới xây dựng : 20,0m
- + Bề rộng mặt đường : 12,0m
- + Bề rộng lề đường : 4,0m x2 bên =8,0m

*** Tuyến 9: Đường Hai Bà Trưng:**

- + Chỉ giới xây dựng : 8,0m
- + Bề rộng mặt đường : 5,5m
- + Bề rộng lề đường : 1,25m x2 bên =2,5m

*** Tuyến 10: Đường Nguyễn Du (Đoạn Nguyễn Huệ - Đài truyền hình):**

- + Chỉ giới xây dựng : 20,0m
- + Bề rộng mặt đường : 12,0m
- + Bề rộng lề đường : 4,0m x2 bên =8,0m

*** Tuyến 11: Đường QH bên chợ Kông Chro (Đoạn Nguyễn Huệ - Nguyễn Thị Minh Khai):**

- + Chỉ giới xây dựng : 13,0m
- + Bề rộng mặt đường : 7,0m
- + Bề rộng lề đường : 3,0m x2 bên =6,0m

*** Tuyến 12: Đường Nguyễn Trãi (Đoạn Nguyễn Huệ - Cầu Yang Trung).**

- + Chỉ giới xây dựng : 25,0m
- + Bề rộng mặt đường : 15,0m
- + Bề rộng lề đường : 5,0m x2 bên =10,0m

*** Tuyến 13: Đường Nguyễn Thị Minh Khai (Đoạn từ Nguyễn Huệ - Đường QH bên chợ Kông Chro).**

- + Chỉ giới xây dựng : 20,0m
- + Bề rộng mặt đường : 12,0m
- + Bề rộng lề đường : 4,0m x2 bên =8,0m

*** Tuyến 14: Đường Vành Đai thị trấn Kông Chro (Đoạn từ đường tỉnh 667 đến làng Đê Ktôh).**

- + Chỉ giới xây dựng : 20,0m
- + Bề rộng mặt đường : 12,0m
- + Bề rộng lề đường : 4,0m x2 bên =8,0m

*** Tuyến 15: Đường Anh Hùng Núp (Nguyễn Huệ - Suối Sơ Ró):**

- + Chỉ giới xây dựng : 30,0m
- + Bề rộng mặt đường : 20,0m
- + Bề rộng lề đường : 5,0m x2 bên =10,0m

*** Tuyến 16: Đường quy hoạch Đ7 (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Trần Phú):**

- + Chỉ giới xây dựng : 11,5m
- + Bề rộng mặt đường : 6,0m
- + Bề rộng lề đường : 2,75m x2 bên =5,5m
- Phù hợp về sự cần thiết của dự án và mục tiêu của dự án.

II.2. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ QUY MÔ ĐẦU TƯ:

1. Mục tiêu: Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, mỹ quan khu vực đô thị, tạo tiền đề thúc đẩy kinh tế phát triển, nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân.

2. Quy mô dự kiến:

- Nhóm dự án : Nhóm B
- Cấp quản lý : Công trình giao thông cấp III; cấp IV
(Cấp III áp dụng cho đường Nguyễn Trãi, đường Anh Hùng Núp và đường Vành đai thị trấn Kông Chro; các tuyến còn lại là cấp IV)
- Cấp kỹ thuật : Đường đô thị theo QCVN 07-4:2016/BXD
- Quy mô đầu tư: Chiều dài thiết kế khoảng L= 13,632Km

3. Quy mô, kết cấu dự kiến thực hiện trong giai đoạn này:

Gồm các dạng kết cấu mặt đường dự kiến như sau:

+ Dạng 1: Mặt đường mở rộng (Loại 1):

- Bê tông nhựa nóng loại chặt dày 7cm.
- Tưới nhựa thấm bảm TCN 1Kg/m².
- CPĐD dày 30cm lu lèn K0.98.
- ĐĐCL dày 30cm lu lèn K0.98.

+ Dạng 2: Mặt đường mở rộng, làm mới (Loại 2):

- Bê tông xi măng đá 2x4 mác 300 dày 22cm.
- Lót giấy dầu.
- CPĐD dày 15cm lu lèn K0.98.
- ĐĐCL dày 30cm lu lèn K0.98.

+ Dạng 3: Mặt đường tăng cường (Loại 3):

- Bê tông nhựa nóng loại chặt dày 7cm.
- Bù vênh bê tông nhựa.
- Tưới nhựa dính bảm TCN 0.5Kg/m².
- Mặt đường cũ tận dụng.

+ Dạng 4: Mặt đường tăng cường (Loại 4):

- Bê tông xi măng đá 2x4 mác 300 dày 22cm.
- Lót giấy dầu.

- CPDD dày 8cm lu lèn K0.98.
- Bù vênh mặt đường cũ bằng CPDD.
- Mặt đường cũ tận dụng.

+ *Dạng 5: Mặt đường làm mới (Loại 5):*

- Bê tông xi măng đá 2x4 mác 250 dày 20cm.
- Lót giấy dầu.
- CPDD dày 15cm lu lèn K0.98.
- ĐĐCL dày 30cm lu lèn K0.98.

3.1. Các tuyến thảm bê tông nhựa tăng cường trên đường cũ, áp dụng kết cấu dạng 3, gồm:

3.1.1. Đường Lê Hồng Phong (Đoạn Nguyễn Huệ - Trần Phú), chiều dài đoạn tuyến khoảng L=940,0m.

3.1.2. Đường Trần Hưng Đạo (Đoạn Nguyễn Huệ - Võ Thị Sáu), chiều dài đoạn tuyến khoảng L=625,0m.

3.1.3. Đường Kpa Klong (Đoạn Nguyễn Thị Minh Khai - Sân vận động), chiều dài đoạn tuyến khoảng L=914,0m.

3.1.4. Đường Trần Phú (Đoạn Nguyễn Huệ - Đường QH Đ18), chiều dài đoạn tuyến khoảng L=634,0m

3.1.5. Đường Phan Bội Châu (Đoạn Võ Thị Sáu - Trần Phú), chiều dài tuyến khoảng L=550,0m.

3.1.6. Đường Võ Thị Sáu (Đoạn Lê Hồng Phong - Phan Bội Châu), chiều dài đoạn tuyến khoảng L=237,0m

3.1.7. Đường Ngô Mây (Đoạn Trần Phú - Kpa Klong), chiều dài tuyến khoảng L=240,0m.

3.1.8. Đường Hai Bà Trưng (Đoạn Kpa Klong - Lê Hồng Phong), chiều dài tuyến khoảng L=485,0m.

3.1.9. Đường Nguyễn Du (Đoạn Nguyễn Huệ - Đài truyền hình), chiều dài tuyến khoảng L=140,0,0m.

3.1.10. Đường QH bên chợ Kông Chro (Đoạn Nguyễn Huệ - Nguyễn Thị Minh Khai), chiều dài tuyến khoảng L=70,0m.

3.1.11. Đường Nguyễn Thị Minh Khai (Đoạn Nguyễn Huệ - Nguyễn Trãi), chiều dài tuyến khoảng L=823,0m.

3.2. Các tuyến nâng cấp, mở rộng đầu tư phân kỳ:

*** Nền mặt đường:**

3.2.1. Đường Kpa Klong (Đoạn Sân vận động - Trần Phú), chiều dài đoạn tuyến khoảng L=252,0m. Thiết kế thảm bê tông nhựa tăng cường và mở rộng mặt đường đạt bề rộng 7,5m, mặt đường áp dụng kết cấu dạng 1 và dạng 3.

3.2.2. Đường Trần Phú (Đường QH Đ18 - Võ Thị Sáu), chiều dài đoạn tuyến khoảng L=688,0m. Thiết kế thảm bê tông nhựa tăng cường và mở rộng mặt đường đạt bề rộng 7,5m, mặt đường áp dụng kết cấu dạng 1 và dạng 3.

3.2.3. Đường Võ Thị Sáu (Phan Bội Châu - Trần Phú), chiều dài đoạn tuyến khoảng L=751,0m. Thiết kế thảm bê tông nhựa tăng cường và mở rộng mặt đường đạt bề rộng 7,5m, mặt đường áp dụng kết cấu dạng 1 và dạng 3.

3.2.4. Đường Nguyễn Trãi (Đoạn Nguyễn Huệ - Cầu Yang Trung), chiều dài tuyến khoảng L=1100,0m. Quy mô đầu tư giai đoạn này như sau:

- + Bề rộng nền đường : $B_n = 9,0\text{m}$
- + Bề rộng mặt đường : $B_m = 7,0\text{m}$
- + Bề rộng lề đường : $B_{lề} = 1,0\text{m} \times 2 \text{ bên} = 2,0\text{m}$
- + Nền đường: Nền đường thiết kế rộng 9,0m, nền đường sau khi hoàn thiện đạt độ chặt $K > 0,95$. Taluy đào được thiết kế 1/1, taluy đắp 1/1,5.
- + Mặt đường: Mặt đường thiết kế rộng 7,0m. Độ dốc ngang 2 mái là 2%. Mặt đường áp dụng kết cấu dạng 2 và dạng 4.
- + Lề đường: Lề đất rộng mỗi bên 1,0m, độ dốc ngang lề là 4%. Lề đường sau khi hoàn thiện đạt độ chặt $K > 0,95$.

3.2.5. Đường Vành Đại thị trấn Kông Chro (Đoạn từ đường tỉnh 667 đến làng Đê Ktòh), chiều dài tuyến khoảng $L = 3000,0\text{m}$. Quy mô đầu tư giai đoạn này như sau:

- Bề rộng nền đường : $B_n = 7,5\text{m}$
- Bề rộng mặt đường : $B_m = 5,5\text{m}$
- Bề rộng lề đường : $B_{lề} = 1,0\text{m} \times 2 \text{ bên} = 2,0\text{m}$
- Nền đường: Nền đường thiết kế rộng 7,5m, nền đường sau khi hoàn thiện đạt độ chặt $K > 0,95$. Taluy đào được thiết kế 1/1, taluy đắp 1/1,5.
- Mặt đường: Mặt đường thiết kế rộng 5,5m. Độ dốc ngang 2 mái là 2%. Mặt đường áp dụng kết cấu dạng 2.
- Lề đường: Lề đất rộng mỗi bên 1,0m, độ dốc ngang lề là 4%. Lề đường sau khi hoàn thiện đạt độ chặt $K > 0,95$.

3.2.6. Đường Anh Hùng Núp (Đoạn Nguyễn Huệ - Suối Sơ Ró):

- + Bề rộng nền đường : $B_n = 7,5\text{m}$
- + Bề rộng mặt đường : $B_m = 5,5\text{m}$
- + Bề rộng lề đường : $B_{lề} = 1,0\text{m} \times 2 \text{ bên} = 2,0\text{m}$
- + Nền đường: Nền đường thiết kế rộng 7,5m, nền đường sau khi hoàn thiện đạt độ chặt $K > 0,95$. Taluy đào được thiết kế 1/1, taluy đắp 1/1,5.
- + Mặt đường: Tận dụng mặt đường BTXM cũ rộng 3,5m, cạp mở rộng mỗi bên 1m, bề rộng mặt đường giai đoạn này rộng 5,5m. Độ dốc ngang 2 mái là 2%. Mặt đường áp dụng kết cấu dạng 2.
- + Lề đường: Lề đất rộng mỗi bên 1,0m, độ dốc ngang lề là 4%. Lề đường sau khi hoàn thiện đạt độ chặt $K > 0,95$.

*** Công trình thoát nước:**

- + Thoát nước dọc : Được thiết kế bằng rãnh đất hình thang kích thước $(0,4+1,2) \times 0,4\text{m}$. Tại các vị trí giao với đường dân sinh, thiết kế bằng công trình BTCT.
- + Thoát nước ngang : Hoàn thiện công thoát nước ngang bằng BTCT.

*** Hệ thống an toàn giao thông:** Bố trí hoàn chỉnh hệ thống biển báo, vạch sơn ... trên tuyến theo tiêu chuẩn đường bộ QCVN41:2019/BGTVT.

3.3. Các tuyến đầu tư theo quy hoạch:

3.3.1 Đường quy hoạch giao thông (đoạn từ đường Kpă Klong đến đường Trần Phú): Quy mô đầu tư: Mương thoát nước kết hợp đường giao thông dọc hai bên tuyến.

- Giới hạn xây dựng: 32,0m

a. Kênh dẫn nước:

- + Kênh dẫn nước thiết kế dạng hình thang, bề rộng đỉnh mương 8,0m.
- + Kết cấu bằng BTXM

+ Chiều dài kênh nước: $L=270\text{m}$ (dự kiến)

b. Đường giao thông:

+ Bề rộng nền đường dọc 2 bên : $B_n = 12,0\text{m} \times 2 \text{ bên} = 24,0\text{m}$

+ Bề rộng mặt đường dọc 2 bên : $B_m = 5,5\text{m} \times 2 \text{ bên} = 11,0\text{m}$

+ Bề rộng vỉa hè : $B_{vh} = (3,25\text{m} + 3,25\text{m}) \times 2 \text{ bên} = 13,0\text{m}$

+ Kết cấu vỉa hè : Vỉa hè lát gạch block

Tổng chiều dài đường giao thông: $L=540\text{m}$, được chia thành từng đoạn tuyến cụ thể như sau:

* Nhánh N1 từ đường KpăKlong đến đường Trần Phú:

- Đường giao thông thiết kế dọc bên phải mương với chiều dài dự kiến: $L=270\text{m}$.

* Nhánh N2 từ đường KpăKlong đến đường Trần Phú:

- Đường giao thông thiết kế dọc bên trái mương với chiều dài dự kiến: $L=270\text{m}$.

c. Cầu đi bộ:

+ Kết cấu cầu: Bê tông cốt thép

+ Bề rộng cầu: $B=2,0 + 0,2 \times 2=2,4\text{m}$

+ Tải trọng người đi bộ thiết kế: 3KN/m^2

d. Hệ thống chiếu sáng: Bố trí dọc theo chiều dài đường giao thông.

e. Hệ thống cấp nước sinh hoạt: Bố trí dọc theo chiều dài đường giao thông.

f. Cây xanh: Bố trí dọc theo chiều dài đường giao thông.

g. Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí hoàn chỉnh hệ thống biển báo, vạch sơn ... trên tuyến theo tiêu chuẩn đường bộ QCVN41:2019/BGTVT.

3.3.2. Đường quy hoạch Đ7 (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Trần Phú):

- Bề rộng nền đường: $B_n = 10,5\text{m}$

- Bề rộng mặt đường: $B_m = 6,0\text{m}$

- Độ dốc ngang mặt đường 2 mái là 2%. Mặt đường áp dụng kết cấu dạng 5.

- Bó vỉa, đan rãnh: Bó vỉa được thiết kế dạng vát xiên, Đan rãnh rộng 25cm bằng BTXM.

- Thoát nước ngang: Hoàn thiện công thoát nước ngang bằng BTCT.

- Thoát nước dọc: Hoàn thiện hệ thống mương xây đập đan KT(50xH).

- Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí hoàn chỉnh hệ thống biển báo, vạch sơn ... trên tuyến theo tiêu chuẩn đường bộ QCVN41:2019/BGTVT.

5. Địa điểm và phạm vi đầu tư:

- Địa điểm đầu tư: Thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

- Phạm vi đầu tư: Các tuyến đường nội thị trên địa bàn thị trấn Kông Chro.

II.3. DỰ KIẾN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ, KHẢ NĂNG CÂN ĐỐI NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ VIỆC HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN VỐN, NGUỒN LỰC KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN:

1. Dự kiến tổng mức đầu tư : 90.000.000.000 đồng (Chín mươi tỷ đồng).

2. Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn vốn ngân sách tỉnh cấp (Sử dụng đất)

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (triệu đồng)	Nguồn vốn ngân sách huyện (triệu đồng)	Ghi chú
2021-2025	90.000	0	

II.4. DỰ KIẾN TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐẦU TƯ PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC THEO THỨ TỰ ƯU TIÊN HỢP LÝ BẢO ĐẢM ĐẦU TƯ TẬP TRUNG, CÓ HIỆU QUẢ:

- Thiết kế theo hai bước :
- + Bước 1: Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
- + Bước 2: Thiết kế bản vẽ thi công.
- Thời gian thực hiện: 2021-2025
- Nguồn vốn đầu tư : 90.000.000.000 đồng (Chín mươi tỷ đồng), trong đó:
- + Tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh: 90.000.000.000 đồng (Chín mươi tỷ đồng).
- + Ngân sách huyện:

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (triệu đồng)	Nguồn vốn ngân sách huyện (triệu đồng)	Ghi chú
2021	10.000		
2022-2025	80.000		

II.5. XÁC ĐỊNH SƠ BỘ CHI PHÍ LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ CHI PHÍ VẬN HÀNH DỰ ÁN SAU KHI HOÀN THÀNH:

1. Các chi phí liên quan trong quá trình thực hiện dự án:

* **Ghi chú:** Suất đầu tư của dự án được lấy theo công trình tương tự trên địa bàn thị trấn Kông Chro thực hiện năm 2019 tính bình quân (Gồm dự án: Đường Nguyễn Văn Trỗi thị trấn Kông Chro; Hạng mục: Mương xây đập đan. Dự án: Đường nối từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Nguyễn Trãi, hạng mục: Bó vỉa, đan rãnh, nắp đan mương, mở rộng mặt đường. Dự án: Đường nối Nguyễn Thị Minh Khai (nối dài); Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước. Tham bê tông nhựa dựa trên thông tư số 10/2019/BXD ngày 26/12/2019 và các quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

DIỄN GIẢI CHI PHÍ XÂY DỰNG THEO SUẤT ĐẦU TƯ

TT	Hạng mục công tác	Đơn vị	Qui mô công suất của DA (P)		Suất thực tế	Chi phí dự kiến
			Chiều dài	Bề rộng	Đơn giá, (đồng) tính cho 1m	
1	2	3	4	5	6	7 = 4 x 5 x 6
I	Tuyến 1: S-êng quy hoạch giao thông					8.524.700
1	Nền, mặt S-êng					
	Nền, mặt S-êng BTXM dày 20cm M250	m	540.000 (270mx 2 b^n)	5,5	4.200.000	2.268.000
	Bãi vữa + san rãnh	m	1.080,000		330.000	356.400
	Vữa hì	m ²	3.500,000		300.000	1.050.000
	Cây xanh	Cây	135,000		2.500.000	337.500
	Hố thèng thoát nước đặc KT (50x70)	m	540,000		3.500.000	1.890.000
	Kênh hãnh thang	m	270,000		4.500.000	1.215.000
	An toàn giao thông	m	540,000		350.000	189.000
	Tổng nền, mặt S-êng					7.305.900

2	HỒ thành tho,t n-íc					
	CÇu @i bé (2 c,i, L=8m, Bm=2,4m)	m2	38		7.000.000	268.80
	Tæng c«ng tr×nh tho,t n-íc					268.80
3	C«ng tr×nh @iÖn chiÖu s,ng					
	SiÖn sinh ho¹t	Trô	20		22.500.000	450.00
	SiÖn chiÖu s,ng	Trô	20		25.000.000	500.00
	Tæng c«ng tr×nh @iÖn chiÖu s,ng					950.00
II	TuyÖn 2: §-êng Lª Hång Phong					2.914.00
I	NÒn, mÆt @-êng					
	MÆt @-êng BTN tìng c-êng trªn @-êng cò	m	940,000	11,0	2.750.000	2.585.00
	An toạ giao th«ng	m	940,000		350.000	329.00
	Tæng nÒn, mÆt @-êng					2.914.00
III	TuyÖn 3: §-êng TrÇn H-ng §¹o					1.937.50
I	NÒn, mÆt @-êng					
	MÆt @-êng BTN tìng c-êng trªn @-êng cò	m	625,000	11,0	2.750.000	1.718.75
	An toạ giao th«ng	m	625,000		350.000	218.75
	Tæng nÒn, mÆt @-êng					1.937.50
IV	TuyÖn 4: §-êng Kpa Kl-ng					2.977.15
I	NÒn, mÆt @-êng					
	MÆt @-êng BTN tìng c-êng trªn @-êng cò	m	714,000	7,5	1.875.000	1.338.75
	MÆt @-êng BTN tìng c-êng trªn @-êng cò	m	452,000	5,5	1.375.000	621.50
	MÆt @-êng BTN mẽ rêng	m	452,000	2,0	650.000	293.80
	An toạ giao th«ng	m	1.166,000		350.000	408.10
	Tæng nÒn, mÆt @-êng					2.662.15
II	HỒ thành tho,t n-íc					
	Cèng ngang BTCT H75x75, L=45m/9c,i	m	45		7.000.000	315.00
	Tæng c«ng tr×nh tho,t n-íc					315.00
V	TuyÖn 5: §-êng TrÇn Phó					3.204.65
I	NÒn, mÆt @-êng					
	MÆt @-êng BTN tìng c-êng trªn @-êng cò	m	634,000	7,5	1.875.000	1.188.75
		m	688,000	5,5	1.375.000	946.00
	MÆt @-êng BTN mẽ rêng	m	688,000	2,0	650.000	447.20
	An toạ giao th«ng	m	1.322,000		350.000	462.70
	Tæng nÒn, mÆt @-êng					3.044.65
II	HỒ thành tho,t n-íc					
	Cèng H100x100, L=20,13m/2Cèng	m	10		9.000.000	90.00
	Cèng ngang BTCT H75x75, L=45m/9c,i	m	10		7.000.000	70.00
	Tæng c«ng tr×nh tho,t					160.00

	n-íc					
VI	Tuyến 6: S-êng Phan Béi Chôu					1.223.75
I	NÒn, mEt @-êng					
	MEt @-êng BTN t'ng c-êng tr ^a n @-êng cò	m	550,000	7,5	1.875.000	1.031.25
	An toun giao th«ng	m	550,000		350.000	192.50
	Tæng nÒn, mEt @-êng					1.223.75
VII	Tuyến 7: S-êng Vâ Thê S.u					2.880.95
I	NÒn, mEt @-êng					
	MEt @-êng BTN t'ng c-êng tr ^a n @-êng cò	m	751,000	5,5	1.375.000	1.032.62
	MEt @-êng BTN mẽ rêng	m	751,000	2,0	650.000	488.15
	MEt @-êng BTN t'ng c-êng tr ^a n @-êng cò	m	237,000	7,5	1.875.000	444.37
	An toun giao th«ng	m	988,000		350.000	345.80
	Tæng nÒn, mEt @-êng					2.310.95
II	HỒ thèng tho,t n-íc					
	Cèng H100x100, L=20,13m/2Cèng	m	30		9.000.000	270.00
	Cèng ngang BTCT H150x150, L=05m/1c.i , èp m.i	m	10		30.000.000	300.00
	Tæng c«ng tr×nh tho,t n-íc					570.00
VIII	Tuyến 8: S-êng Ng« Mòy					534.00
I	NÒn, mEt @-êng					
	MEt @-êng BTN t'ng c-êng tr ^a n @-êng cò	m	240,000	7,5	1.875.000	450.00
	An toun giao th«ng	m	240,000		350.000	84.00
	Tæng nÒn, mEt @-êng					534.00
IX	Tuyến 9: S-êng Hai Bự Tr-ng					654.75
I	NÒn, mEt @-êng					
	MEt @-êng BTN t'ng c-êng tr ^a n @-êng cò	m	485,000	4,0	1.000.000	485.00
	An toun giao th«ng	m	485,000		350.000	169.75
	Tæng nÒn, mEt @-êng					654.75
X	Tuyến 10: S-êng Nguyễn Du					311.50
I	NÒn, mEt @-êng					
	MEt @-êng BTN t'ng c-êng tr ^a n @-êng cò	m	140,000	7,5	1.875.000	262.50
	An toun giao th«ng	m	140,000		350.000	49.00
	Tæng nÒn, mEt @-êng					311.50
XI	Tuyến 11: S-êng quy ho¹ch b^an Chì					155.75
I	NÒn, mEt @-êng					
	MEt @-êng BTN t'ng c-êng tr ^a n @-êng cò	m	70,000	7,5	1.875.000	131.25
	An toun giao th«ng	m	70,000		350.000	24.50

	Tặng nòn, mết @-êng					155.75
XII	Tuyển 12: S-êng Nguyễn Tr·i					6.374.10
1	Nòn, mết @-êng					
	Nòn, mết @-êng BTXM dự 22cm M300	Km	1,1	7,0	5.600.000.000	6.160.00
	An toun giao th«ng	Km	1,1		31.000.000	34.10
	Tặng nòn, mết @-êng					6.194.10
2	HỒ thèng tho,t n-íc					
	- Cèng H100x100, L=20,13m/2Cèng	m	20		9.000.000	180.00
	Tặng c«ng tr×nh tho,t n-íc					180.00
XIII	Tuyển 13: S-êng Nguyễn Th· Minh Khai					1.419.67
I	Nòn, mết @-êng					
	Mết @-êng BTN tìng c-êng tr·n @-êng cò	m	823,000	6,0	1.375.000	1.131.62
	An toun giao th«ng	m	823,000		350.000	288.05
	Tặng nòn, mết @-êng					1.419.67
XIV	Tuyển 14: S-êng v·nh @ai th· tr·n Kông Chro					16.301.56
1	Nòn, mết @-êng					
	Nòn, mết @-êng BTXM dự 22cm M250	Km	3,000	5,5	4.600.000.000	13.800.00
	R·nh gia cè	Km	1,387		880.000.000	1.220.56
	An toun giao th«ng	Km	3,000		83.000.000	249.00
	Tặng nòn, mết @-êng					15.269.56
2	HỒ thèng tho,t n-íc					
	Cèng B70x80, L=24.0m/2Cèng	m	24		4.000.000	96.00
	Cèng H75x75, L=48m/4Cèng	m	48		7.000.000	336.00
	Cèng BTCT D100, L=60m/5Cèng	m	60		10.000.000	600.00
	Tặng c«ng tr×nh tho,t n-íc					1.032.00
XV	Tuyển 15: N·ng c·p, mē réng @-êng Anh H·ng Nóp					5.002.70
1	Nòn, mết @-êng					
	Nòn, mết @-êng BTXM dự 22cm M300	Km	1,7	5,5	2.500.000.000	4.250.00
	An toun giao th«ng	Km	1,7		31.000.000	52.70
	Tặng nòn, mết @-êng					4.302.70
2	HỒ thèng tho,t n-íc					
	- Cèng D100, L=70m/7Cèng	m	70		10.000.000	700.00
	Tặng c«ng tr×nh tho,t n-íc					700.00
XVI	Tuyển 16: S-êng QH S7					4.574.70
1	Nòn, mết @-êng					
	Nòn, mết @-êng BTXM dự 20cm M250	m	326,000	6,0	4.600.000	1.499.60

	An toàn giao thông	m	326,000		350.000	114.10
	Tặng nòng, mết @-êng					1.613.70
2	HỒ thành tho, t n-íc					
	Bã vữa @an r nh	m	700		330.000	231.00
	M- ng x@y @Ëy @an	m	700		3.500.000	2.450.00
	- Cèng H75x75, L=40m/4Cèng	m	40		7.000.000	280.00
	Tặng c@ng tr@nh tho, t n-íc					2.961.00
*/	Tặng cèng x@y l@p					58.991.43

CÁC CHÍ PHÍ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN:

TT	Hạng mục chi phí	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí đền bù GPMB	10.000.000.000
2	Chi phí xây dựng công trình	58.991.435.000
3	Chi phí quản lý dự án	1.173.543.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	7.094.129.000
5	Chi phí khác	1.001.764.000
6	Dự phòng	11.739.131.000
	Tổng mức đầu tư (làm tròn)	90.000.000.000

2. Chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:

2.1. Yêu cầu công tác bảo dưỡng:

Để Công trình được khai thác hiệu quả, cần thường xuyên tiến hành công tác duy tu, bảo dưỡng. Muốn vậy cần thực hiện một số yêu cầu sau:

- Luôn đảm bảo hệ thống thoát nước trên tuyến đảm bảo thoát nước tốt bao gồm: Cống thoát nước ngang, mương dọc. Giữ cống, rãnh thoát nước tốt bằng cách dọn sạch bùn đất, nạo vét, thông thoáng hạ lưu cống.

- Tiến hành công tác duy tu sửa chữa định kỳ hàng năm sau mùa mưa.

2.2. Tổ chức thực hiện:

- Công tác sửa chữa nhỏ duy tu định kỳ, giao cho đơn vị được bàn giao, khai thác, sử dụng công trình thực hiện nhằm đảm bảo công tác duy tu, bảo dưỡng thực hiện thường xuyên bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

II.6. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ TÁC ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI; XÁC ĐỊNH SƠ BỘ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI:

1. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động môi trường, xã hội:

Dự án chạy dọc theo tuyến đường hiện trạng của khu vực dân cư nên việc ảnh hưởng đến môi trường là vấn đề không thể tránh khỏi. Các tác động gồm:

1.1. Đánh giá sự phù hợp: Với những đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội, địa hình khu vực tương đối bằng phẳng, điều kiện giao thông, thời tiết thuận lợi và qua sự khảo sát của Chủ đầu tư thì địa điểm lựa chọn thực hiện dự án là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của Tỉnh đã được phê duyệt.

1.2. Nhận dạng, dự báo các tác động môi trường chính có thể xảy ra của dự án:

Những nguồn gây tác động đến môi trường của dự án được chia thành 2 nhóm: nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải và nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải.

Để nhận định, phân tích, đánh giá đầy đủ các ảnh hưởng của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng dọc theo tuyến đường, các tác động môi trường trong báo cáo được đánh giá qua ba giai đoạn chính:

- Giai đoạn chuẩn bị: hoạt động giải tỏa, đền bù và giải phóng mặt bằng.
- Giai đoạn thi công xây dựng dự án.
- Giai đoạn hoạt động và vận hành dự án: Đưa tuyến đường vào hoạt động và sử dụng.

1.3. Đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

Giai đoạn thi công xây dựng dự án bao gồm các hoạt động sau:

- Tập trung công nhân, xây dựng lán trại;
- Tập trung máy móc, phương tiện, thiết bị thi công;
- Vận chuyển, tập kết vật tư, vật liệu xây dựng;
- Thi công các hạng mục công trình;
- Hoàn thiện, nghiệm thu bàn giao cho đơn vị quản lý vận hành.

a. Tác động của bụi, khí thải

Đây là tác động đáng quan tâm nhất trong quá trình thi công xây dựng công trình. Hoạt động thi công phát sinh bụi và khí thải từ các nguồn sau:

- Bụi phát sinh ra từ quá trình san gạt, đào đắp đất đá, hoạt động san ủi mặt bằng nền đường và xây dựng các hạng mục công trình.
- Bụi phát sinh ra từ quá trình vận chuyển và tập kết vật liệu xây dựng (đất, đá, xi măng,...), các thiết bị thi công.
- Bụi và khí thải (CO_x , SO_2 , NO_x , VOC,...) phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông.
- Khí thải phát sinh từ quá trình rải nhựa đường (do quá trình đun nấu nhựa) và thảm bê tông nhựa.
- Khí thải phát sinh từ quá trình phân hủy rác thải sinh hoạt của công nhân tại các lán trại và rác thải sinh hoạt tại các khu dân cư dọc tuyến đường.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động nấu và thảm nhựa đường: Hoạt động nấu nhựa đường làm phát sinh các khí độc như H_2S , hydrocarbon. Tuy nhiên, hoạt động này không diễn ra thường xuyên, do đó ảnh hưởng của hoạt động nấu nhựa đường đến môi trường không khí và sức khỏe cộng đồng trong giai đoạn thi công, xây dựng dự án mang tính chất gián đoạn, tạm thời.

b. Tác động của chất thải rắn

- Chất thải rắn xây dựng bao gồm: Phế thải phát sinh từ các hoạt động xây dựng gồm: bao bì đựng vật liệu xây dựng, các loại vật liệu xây dựng dư thừa như cát, đá, xi măng, bê tông rơi vãi, ốc vít hư hỏng.
- Chất thải rắn sinh hoạt:

c. Tác động của chất thải nguy hại

Trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án, trên công trường xây dựng sẽ không tránh khỏi việc phát sinh chất thải nguy hại.

Trên công trường xây dựng dầu nhớt thải được thải ra từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện vận chuyển và máy móc thi công. Theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT thì dầu nhớt thải thuộc danh mục các chất thải nguy hại cần phải được thu gom và xử lý riêng. Lượng dầu nhớt thải phát sinh trên công trường xây dựng của dự án tùy thuộc vào các yếu tố: chu kỳ thay nhớt và bảo dưỡng máy móc; lượng dầu nhớt thải ra trong một lần thay nhớt/bảo dưỡng; thời gian thi công xây dựng của dự án.

d. Tác động của nước thải

- Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt của công nhân chủ yếu là nước tắm, rửa sau giờ làm việc, nước thải từ khu lán trại. Theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 33:2006, định mức nước cấp sinh hoạt là 100 lít/người/ngày, mức phát sinh nước thải sinh hoạt là 80 lít/người/ngày (tương đương khoảng 80% nước cấp). Dự kiến lượng nhân công thường xuyên có trên công trường tối đa khoảng 50 người/ngày.

- Nước thải xây dựng

Nước thải xây dựng bao gồm: nước thải từ quá trình trộn vữa và làm ẩm nguyên vật liệu và nước thải từ hoạt động rửa dụng cụ và bảo dưỡng công trình. Hoạt động này sẽ thường xuyên thực hiện trong suốt giai đoạn xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn chỉ phát sinh trong những ngày trời mưa; lưu lượng phụ thuộc vào mùa, ngày, bề mặt đất, độ dốc địa hình,...

e. Tác động của tiếng ồn, độ rung

Trong giai đoạn thi công xây dựng dự án, hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, của máy móc thiết bị thi công trên công trường xây dựng làm phát sinh tiếng ồn gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người công nhân trên công trường xây dựng, người dân khu vực lân cận dự án.

f. Tác động đến môi trường đất

Hoạt động thi công xây dựng gây nên xáo trộn, hủy hoại thảm thực vật và làm tăng nguy cơ xói mòn, bạc màu cho khu đất.

g. Tác động đến tài nguyên sinh vật

Khi tiến hành thi công dự án sẽ ảnh hưởng đến tài nguyên sinh vật khu vực bao gồm:

- Hệ sinh thái trên cạn:

+ Hoạt động đào, đắp, nâng nền đường, khai thác đất để làm đường làm thay đổi cảnh quan khu vực xung quanh. Diện tích thảm thực vật hai bên tuyến đường bị phá bỏ dẫn đến hệ thực vật ở đây bị suy giảm đồng thời những loài động vật sống trong môi trường này sẽ giảm dần, mất đi hoặc di dời đi nơi khác.

+ Trong thời gian thi công, tác động của bụi, khí thải sẽ làm giảm khả năng quang hợp của cây xanh. Việc hình thành tuyến đường làm xáo trộn, phá vỡ tính nguyên vẹn và thống nhất của hệ sinh thái.

h. Tác động đến dòng chảy sông, suối (nếu có)

+ Trong quá trình xây dựng các móng cầu, chân cầu và hoạt động của các phương tiện hỗ trợ thi công trên sông, suối có thể làm ảnh hưởng đến dòng chảy sông suối tại vị trí thi công cầu. Các vật rắn, nguyên vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, bê tông...) rớt xuống lòng kênh mương có thể làm ngăn cản, tắc nghẽn dòng chảy.

i. Tác động đến đời sống cộng đồng và các hoạt động kinh tế - xã hội

- Tác động tiêu cực:

+ Các tác động như đã phân tích ở trên (ô nhiễm do bụi, khí, tiếng ồn, độ rung...) gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân và dân cư xung quanh khu vực công trình, làm tăng chi phí xã hội cho việc khám chữa bệnh, đồng thời làm giảm năng suất lao động.

+ Mâu thuẫn, bất đồng có thể xảy ra giữa công nhân tham gia xây dựng công trình với người dân địa phương do sự khác biệt về lối sống, thu nhập.

+ Sự du nhập, gia tăng các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, cờ bạc,... Đây là thực tế xảy ra khá phổ biến tại các lán trại xây dựng và khu dân cư xung quanh.

+ Gia tăng khả năng lây lan các dịch bệnh của công nhân thi công dự án từ nơi khác đến nơi thực hiện dự án.

- Tác động tích cực:

Ngoài các tác động tiêu cực về kinh tế, xã hội, quá trình thi công dự án còn tạo ra một số tác động tích cực sau:

+ Tạo thêm công ăn việc làm cho người dân trong khu vực như tham gia vận chuyển vật tư, thiết bị, đào, đắp đất đá, thi công công trình,...

+ Góp phần tăng trưởng cho các hoạt động thương mại, dịch vụ cung ứng vật liệu xây dựng, vận tải và các dịch vụ phục vụ tiêu dùng khác.

1.4. Đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn vận hành, sử dụng dự án

Các tác động đến môi trường trong giai đoạn vận hành và sử dụng tuyến đường chủ yếu do hoạt động của các phương tiện giao thông, sinh hoạt của người dân, hoạt động của khách qua đường,...

a. Tác động của bụi và khí thải

Khi tuyến đường được đưa vào vận hành và sử dụng, lưu lượng xe lưu thông hằng ngày sẽ tăng lên so với hiện tại. Hoạt động của các phương tiện giao thông làm phát sinh bụi, bụi cao su (do sự bào mòn giữa lốp xe và mặt đường) và khí thải (CO_x , NO_x , SO_x , VOC,...) trong quá trình lưu thông.

b. Tác động của nước thải

Khi dự án đi vào hoạt động có thể sẽ hình thành thêm các khu dân cư, cụm dịch vụ nhằm khai thác lợi thế về kinh tế và thương mại của tuyến đường, gia tăng lưu lượng

phương tiện giao thông hoạt động trên tuyến đường, dẫn đến tăng nguy cơ gây ô nhiễm đến môi trường nước.

c. Tác động của chất thải rắn

Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của người dân địa phương (tại các hàng quán dọc tuyến và hoạt động sinh hoạt của người dân) và khách qua lại trên tuyến đường (bao bì, hộp đựng thức ăn, túi nylon, thức ăn thừa,...)

d. Sự gia tăng các khu dân cư và cụm dịch vụ

Khi tuyến đường đi vào hoàn thiện, chất lượng đường được nâng cấp sẽ dẫn đến khả năng hình thành thêm các khu dân cư và cụm dịch vụ dọc tuyến nhằm khai thác tối đa lợi thế về thương mại. Việc gia tăng thêm các khu dân cư, cụm dịch vụ dọc tuyến góp phần phát triển hoạt động thương mại tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên quá trình phát triển này cũng gián tiếp tạo thêm các nguồn gây ô nhiễm mới và gây ảnh hưởng đến cảnh quan và hệ sinh thái xung quanh khu vực dự án.

e. Tác động của tiếng ồn, độ rung

Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn vận hành và sử dụng dự án chủ yếu là độ rung, tiếng ồn do các phương tiện lưu thông trên tuyến đường gây ra.

Nguồn tác động này không định lượng được do phụ thuộc vào nhiều yếu tố như lưu lượng xe, vận tốc và đặc tính kỹ thuật của các loại xe,...

Tiếng ồn và độ rung do các phương tiện giao thông gây ra sẽ làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân sinh sống dọc hai bên tuyến đường. Đồng thời, độ rung cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến độ bền vững của các công trình kiến trúc, nhà ở dọc theo tuyến.

1.5. Những nội dung sẽ được đánh giá trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc cấp phép môi trường (nếu có):

- Việc đánh giá các tác động đến môi trường do thực hiện Dự án được dựa trên quy hoạch của dự án cũng như các nguồn chất thải và các đặc điểm môi trường hiện tại trong khu vực của dự án. Đánh giá được thực hiện theo những nội dung như sau:

- + Đánh giá các tác động đối với bụi, khí thải.
- + Đánh giá các tác động đối với môi trường nước.
- + Đánh giá các tác động đối với chất thải rắn.
- + Đánh giá Tác động của tiếng ồn, độ rung.
- + Đánh giá Tác động đến môi trường đất.
- + Đánh giá Tác động đến tài nguyên sinh vật.
- + Đánh giá Tác động đến dòng chảy sông, suối.
- + Đánh giá Tác động đến đời sống cộng đồng và các hoạt động kinh tế - xã hội.

- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện tương ứng với mỗi tác động được đánh giá.

- Đề xuất chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- CĐT cam kết thực hiện các giải pháp, phương án bảo vệ môi trường đúng nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt trong suốt quá trình xây dựng và hoạt động dự án.

* Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng góp phần làm cho khu vực thêm sạch đẹp hơn, nhân dân trong vùng đi lại được thuận lợi.

3. Xác định sơ bộ về hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội:

- Đáp ứng nhu cầu nguyện vọng của nhân dân trong khu vực.
- Làm cho khu vực được sạch đẹp hơn, tạo hành lang thông thoáng.
- Phát triển khu vực thị trấn hoàn thiện hạ tầng khu vực trung tâm.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc khám chữa bệnh của nhân dân.
- Góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân trong vùng dự án, giao thông đi lại thuận lợi hơn và là tiền đề thuận lợi để kinh tế - xã hội địa phương phát triển bền vững.

II.7. PHÂN CHIA CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN: Không

II.8. CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Chủ đầu tư: UBND huyện Kông Chro.

2. Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 42/2017/NĐ - CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

3. Chủ đầu tư tổ chức xây dựng công trình theo đúng mức bố trí vốn trong các năm nhằm tránh tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

4. Toàn bộ các nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đường giao thông huyện Kông Chro. Trong quá trình thực hiện, tùy tình hình cụ thể và thực tế có thể điều chỉnh, bổ sung trong quá trình khảo sát thiết kế cho phù hợp.

5. UBND huyện Kông Chro kính trình UBND tỉnh Gia Lai xem xét Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Đường giao thông huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;
- Lưu: VT-UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Nguyên Nam